

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 18 - 7 - 2025
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Tăng và bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký tòa án nhân dân khu vực 5-Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 10/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 25/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 32a/2025/QĐST-DS ngày 21/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 11/7/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố số 1, phường T1, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường T1, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Ph 1, xã Ph, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã Ph, thành phố Hà Nội). Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 2003, địa chỉ: P1412-CT14A2 Khu đô thị N, phường Ph, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường Ph, thành phố Hà Nội); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Kh, xã Kh, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Người đại diện

theo uỷ quyền: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn M, xã C, huyện Đ, thành phố Hà Nội (nay là xã Đ, thành phố Hà Nội); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1949, địa chỉ: Ch, xã Đ, thành phố V, tỉnh V1 (nay là phường V, tỉnh Ph); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955, địa chỉ: Tổ 4, thôn Th, xã Th1, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là phường A, tỉnh Đồng Nai); vắng mặt.

3.3 Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn Kh, xã Kh1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Ph 1, xã Phù Đồng, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là xã Ph, thành phố Hà Nội); Bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 2003, địa chỉ: P1412-CT14A2 Khu đô thị N, phường Ph, quận T, thành phố Hà Nội (nay là phường Ph, thành phố Hà Nội); có mặt

3.4 Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn Kh, xã Kh1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn Ph 1, xã Ph, huyện Gi, thành phố Hà Nội (nay là phường Ph, thành phố Hà Nội); có mặt.

3.5. Bà Đinh Thị Nh, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Kh, xã Kh1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình); có mặt.

3.6. UBND xã Kh, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (Nay là UBND phường T, tỉnh Ninh Bình). Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành Gi, chức vụ: Chủ tịch. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng: Ông Phạm Hoàng T, chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bố, mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Văn B, sinh năm 1914, chết ngày 09/9/2005, cụ Lê Thị M, sinh năm 1915, chết ngày 11/7/2018. Cụ B và cụ M sinh được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th. Cụ B, cụ M không có con nuôi, con riêng, bố mẹ thân sinh ra các cụ đều đã chết. Cụ B cụ M trước khi chết không để lại di chúc. Trong quá trình chung sống cụ B và cụ M tạo dựng được diện tích đất là 340m² đất ở và 750m² đất vườn, thửa 19, tờ bản đồ số 1 tại xóm 1, xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 đứng

tên ông Nguyễn Văn B được quyền sử dụng 2.071m² theo bảng liệt kê trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 340m² đất ở và 750m² đất vườn thửa 19, tờ bản đồ số 1 và diện tích đất 369m², thửa 95, thửa số 2, đất hai lúa tại xứ đồng Mất Ròng, diện tích 270m² thửa 185, tờ bản đồ số 3, đất Hai Lúa, tại xứ đồng Hàng Ô Gia; diện tích đất 277m², thửa 8, tờ bản đồ số 1, đất màu tại xứ đồng Voi Đằm; diện tích đất 65m², thửa 236, tờ bản đồ số 3, đất mạ tại xứ đồng Đổng Xấu. Thời hạn sử dụng đất ruộng đến tháng 12/2000. Đối với diện tích đất ở và đất vườn trên đất cụ B và cụ M tạo dựng nhà cấp 4, rộng khoảng 60m², hiện không còn do vợ chồng ông Ng đã tháo dỡ. Đối với nhà cấp bốn trên diện tích đất là 340m² đất ở và 750m² đất vườn, vợ chồng cụ B cụ M ở trên diện tích đất này. Khoảng năm 2006, vợ chồng ông Ng đã phá nhà cấp bốn để xây nhà mái bằng diện tích bao nhiêu bà T không biết. Năm 2009, diện tích đất số thửa 12, tờ bản đồ PL2 được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lê Thị M diện tích đất 1.645m² trong đó sử dụng riêng là 1.090m² đất ONT lâu dài và 555m² đất LNK. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B và đứng tên cụ M bà không có ý kiến gì, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do ông Ng quản lý, không bị cầm cố thế chấp gì, không có khiếu nại, thắc mắc gì. Về chi phí ma chay, cải cát: Khi cụ B, cụ M chết, chi phí ma chay, cải cát do các con cùng lo liệu. Các chi phí này bà không đề nghị giải quyết. Về công sức đóng góp, tôn tạo nền đất, bảo quản trông nom, tu sửa di sản thừa kế: Không ai có công sức đóng góp gì. Về thuế nhà đất: Ai nộp bà không biết, bà không đóng thuế, nghĩa vụ gì. Về nghĩa vụ nợ: Cụ B và cụ M không để lại nghĩa vụ gì. Về đất nông nghiệp: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay bà khởi kiện phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị M là thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2, diện tích 1.090m² đất ONT tại địa chỉ: Xóm 1, thôn Kh, xã Kh1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là tổ dân phố Kh, phường T, tỉnh Ninh Bình) theo quy định của pháp luật và khi chia bà xin nhận bằng hiện vật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Ng, người đại diện theo uỷ quyền là anh Nguyễn Văn Th trình bày: Cụ Nguyễn Văn B, sinh năm 1914, chết ngày 09/9/2005 và cụ Lê Thị M, sinh năm 1915, chết ngày 11/7/2018. Hai cụ sinh ra được 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th. Cụ B, cụ M không ai có con nuôi, con riêng, bố mẹ thân sinh ra các cụ đều đã chết. Cụ M, cụ B chết không để lại di chúc. Khi còn sống cụ B và cụ M tạo dựng được diện tích đất là 340m² đất ở và 750m² đất vườn, thửa 19, tờ bản đồ số 1 tại xóm 1, xã Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 đứng tên ông Nguyễn Văn B được quyền sử dụng 2.071m². Đối với diện tích đất ở và đất vườn trên đất

cụ B và cụ M tạo dựng nhà cấp 4, rộng khoảng 60m², hiện không còn do ông Ng, bà Nh bố mẹ anh đã tháo dỡ. Cuối năm 2005, UBND xã Kh có báo vợ chồng ông Ng ra để làm thủ tục chuyển đổi 750m² đất LNK sang đất ở. Bố mẹ anh là ông Ng, bà Nh đã làm thủ tục chuyển đổi 750m² đất LNK sang đất ONT. Năm 2006, bố mẹ anh đã phá nhà cấp bốn để xây nhà mái bằng diện tích 80m² và các công trình phụ, tường bao, cổng tổng diện tích khoảng 340m². Năm 2009, diện tích đất số thửa 12, tờ bản đồ P12 được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lê Thị M diện tích đất 1.645m² trong đó sử dụng riêng là 1.090m² đất ONT lâu dài và 555m² đất LNK. Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B và đứng tên cụ M ông Ng không có ý kiến gì, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do ông Ng quản lý, không bị cầm cố thế chấp gì. Đến năm 2010, sau khi cụ B chết, cụ M đã già yếu, ông Ng có đề nghị các chị em về để họp gia đình thống nhất về phân chia di sản thừa kế là 1.090m² đất của cụ B và cụ M, các chị em của ông Ng sẽ để lại toàn quyền sử dụng thửa đất 1090m². Các bên có làm thủ tục biên bản họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2010 có sự xác nhận của UBND xã Kh. Ông Ng đề nghị Tòa án xem xét biên bản họp gia đình này. Về chi phí ma chay, cải táng, công sức chăm sóc cụ B, cụ M do ông Ng và bà Nh lo liệu, ông Ng không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Về công sức đóng góp, tôn tạo nền đất, bảo quản trông nom, tu sửa di sản thừa kế: Ông Ng, bà Nh đổ đất nền diện tích 1.090m², số m³ đổ đất không nhớ rõ, và không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Trường hợp Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế, bố mẹ đẻ anh sẽ yêu cầu những người được hưởng thừa kế thanh toán theo quy định của pháp luật. Về thuế nhà đất được miễn. Về nghĩa vụ nợ: Cụ B và cụ M trước khi chết cũng không để lại nghĩa vụ nợ và cũng không cho ai vay nợ. Về đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay bà T khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế thừa đất số 12, tờ bản đồ PL2, diện tích 1090m² đất ONT đứng tên cụ Lê Thị M là cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, anh không đồng ý. Đối với nhà mái bằng ông Ng và bà Nh xây dựng đề nghị giữ nguyên hiện trạng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Th đều thống nhất tự khai và trình bày: Về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế các bà nhất trí ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã trình bày. Nay xảy ra tranh chấp, các bà đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, phần các bà được hưởng xin nhận bằng hiện vật và chia chung vào cùng 1 khối với bà T.

-Bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà nhất trí quan điểm về quan hệ huyết thống, di sản bố mẹ đẻ bà để lại như ông Ng là bị đơn đã trình bày. Khi chia di

sản thừa kế bà xin nhận phần di sản bằng đất và tặng cho lại phần di sản mà bà được hưởng cho ông Ng quản lý, sử dụng. Vì bà ở xa, sức khoẻ yếu nên bà xin được vắng mặt tại phiên toà.

-Bà Đinh Thị Nh trình bày: Bà nhất trí với ý kiến ông Ng đã trình bày. Nay bà T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà là cụ B, cụ M để lại, bà không nhất trí.

-Ủy ban nhân dân xã Kh (nay là UBND phường T, tỉnh Ninh Bình), người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thành Gi trình bày: Về hồ sơ, sổ sách và các tài liệu liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Ng thì hiện tại UBND xã đang lưu giữ hồ sơ địa chính thửa đất của cụ M và cụ B qua các thời kì gồm: Bản đồ năm 1988: thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 1 diện tích 1090 m², trong đó đất Thổ cư (T): 340 m², đất thổ canh (TC): 750 m², đứng tên cụ B. Bản đồ năm 1994: thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 1 diện tích 1090 m², trong đó đất Thổ cư (T): 340 m², đất vườn (v): 750 m², đứng tên cụ B. Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2006: thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2, diện tích 1645 m², (trong đó: đứng tên ông Ng (đất ONT: 252m², đất LNK: 838 m²), đất UB: 555 m² (đất LNK đứng tên ông Ng) do tại thời điểm đó ông Ng ở cùng cụ M nên đã kê khai, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên cụ M. Năm 2009, cụ Lê Thị M được cấp GCN diện tích đất 1090m² đất ONT thuộc số thửa 12, tờ bản đồ PL2, diện tích đất UB: 555 m² (đất LNK) nằm chung thửa đất với gia đình cụ M.Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B và đứng tên cụ M từ trước đến nay không có ai có khiếu nại, thắc mắc gì. Gia đình cụ M được Nhà nước công nhận 750m² đất vườn thành đất ở theo chính sách chung không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính gì. Về công sức đóng góp, tôn tạo nền đất, bảo quản trông nom, tu sửa di sản thừa kế của cụ M và cụ B hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Văn Ng và bà Đinh Thị Nh đang ở trên đất, địa phương không nắm được.Về nghĩa vụ nợ: Cụ B và cụ M trước khi chết cũng không để lại nghĩa vụ nợ tại địa phương. Đối với diện tích đất đang tranh chấp không vi phạm quy hoạch, kế hoạch gì.Việc bà T khởi kiện chia thừa kế, UBND xã Kh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần diện tích đất 555m² đất UB, UBND xã quản lý được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã đề nghị tách thửa riêng. Do công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không sửa đổi bổ sung gì. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5-Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điều 26, 35, 39, 147, 157, 228 BLTTDS 2015, Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 213, 219, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 BLDS 2015. Nghị quyết 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T.

- Công nhận biên bản họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lập ngày 02/10/2010 có hiệu lực pháp luật.

- Về đất: Bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Ng; bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị L1; bà Nguyễn Thị Th mỗi người được hưởng di sản thừa kế do cụ M để lại là 136,25 m² đất tại thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2 ở xóm 1, thôn Kh, xã Kh1, huyện Kim Bảng (nay là xóm 1, thôn Kh, phường T, tỉnh Ninh Bình).

- Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất của bà L, bà T, bà L1, bà Th xin nhận bằng hiện vật và xin chia chung một khối với tổng diện tích các bà được hưởng là 545 m² đất, các bà phải thanh toán tiền chênh lệch là giá trị các cây cối có trên đất được giao chia.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph xin nhận bằng hiện vật và xin tặng cho lại ông Ng phần thừa kế do đó ông Nguyễn Văn Ng được hưởng 272,5 m² đất là di sản thừa kế do cụ M để lại. Tổng diện tích ông Ng được nhận là 545m².

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Bà T xin chịu toàn bộ 6.300.000đồng nên không đặt ra xem xét để giải quyết.

Về án phí: Dương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế, bị đơn là ông Nguyễn Văn Ng, địa chỉ thôn Kh, xã Kh1, thị xã Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (Nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Căn cứ vào điểm khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình và xác định quan hệ chấp thừa kế tài sản. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Ph, đại diện UBND phường T có đơn xin xét xử vắng

mặt nên đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn B chết ngày 09/9/2005, cụ Lê Thị M chết ngày 11/7/2018. Ngày 07/10/2024, bà Nguyễn Thị T khởi kiện tại Tòa án về tranh chấp thừa kế tài sản. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn.

[3]. Về hàng thừa kế: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời thừa nhận của các đương sự thì cụ Nguyễn Văn B và cụ Lê Thị M sinh ra được 06 người con gồm bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th. Cụ B, cụ M không có con nuôi, con riêng, bố mẹ sinh ra các cụ đều đã chết.

Về di sản thừa kế: Các đồng thừa kế đều thống nhất, các cụ trước khi chết có để lại di sản gồm thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2 ở xóm 1, thôn Kh, xã Kh1, huyện Kim Bảng (nay là thôn Kh, phường T, tỉnh Ninh Bình) với diện tích 1090m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00442 mang tên hộ bà Lê Thị M cấp ngày 17/12/2009 cùng tài sản trên đất gồm nhà cấp 4 khoảng 60m² và 981m² đất nông nghiệp xứ đồng Mát Ròng, xứ đồng Hàng Ô Gia, xứ đồng Voi Đầm, xứ đồng Đồng Sấu. Đối với nhà cấp 4, năm 2006, ông Ng đã phá đi để xây lại. Hiện nay, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Ng quản lý, không bị cầm cố, thế chấp. Đối với ngôi nhà cấp 4 cùng diện tích đất nông nghiệp các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

Khi cùng chung sống, cụ B và cụ M tạo dựng được 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất 1.090m² tại thôn Kh xã Kh, huyện Kim Bảng (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Ngày 15/04/1994, diện tích đất 1.090m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn B, thửa 19, tờ bản đồ số 1 trong đó 340m² đất ở, 759m² đất vườn. Ngày 17/12/2009 diện tích đất 1.090m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị M thửa 12, tờ bản đồ PL2, sử dụng riêng 1.090m² tại xóm 1, thôn Kh, xã Kh1, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay do ông Ng đang quản lý không bị cầm cố thế chấp gì và không ai có khiếu nại thắc mắc gì về việc đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ B, cụ M. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ng trình bày năm 2005 ông làm thủ tục chuyển đổi 750m² đất vườn sang đất ở, nộp thuế, phí chuyển đổi và cung cấp 01 biên lai thu thuế nhà đất năm 2002 và 01 thông báo nộp thuế nhà đất năm 2012. Nhận thấy, biên lai thu thuế và thông báo nộp thuế do ông Ng cung cấp đều là thu nộp thuế nhà đất, không phải thuế chuyển đổi đất và có thời điểm không trùng khớp với lời trình bày của ông Ng đồng thời UBND xã Kh (nay là UBND

phường T) cung cấp việc chuyển đổi 750m² đất vườn thành đất ở theo chính sách chung không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính gì. Nguyên đơn bà T cung cấp 01 biên bản họp gia đình ngày 02/10/2010, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cung cấp 01 biên bản họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2010 trong đó đều có chữ ký của cụ M, ông Ng, bà T, bà Th, bà L và người tham dự là ông Đinh Công Th1, Đinh Xuân Th2, Đinh Công Th3, đại diện UBND xã Kh. Nhận thấy, tại các biên bản họp gia đình, những người tham gia biên bản đều xác nhận đúng chữ ký của mình, riêng bà T không thừa nhận chữ ký chữ viết trong biên bản do anh Th cung cấp và đã yêu cầu giám định, tuy nhiên kết luận giám định khẳng định chữ ký, chữ viết của bà T trong biên bản họp gia đình do anh Th cung cấp là đúng, ngoài ra tại các biên bản họp do đương sự cung cấp đều vắng mặt bà Ph, bà L tuy nhiên 02 bà đều đã có giấy uỷ quyền có nội dung “uỷ quyền cho mẹ, anh chị em ở quê họp bàn và quyết định”.

Về nội dung 02 biên bản do các đương sự cung cấp: Biên bản được lập cùng một ngày ở hai thời điểm khác nhau tuy nhiên nội dung không mâu thuẫn nhau do đó có đủ căn cứ, cơ sở để chấp nhận nội dung biên bản họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2010 đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cung cấp.

Xét biên bản họp gia đình ngày 02/10/2010, thấy: Biên bản họp gia đình thể hiện ý trí tự nguyện và nguyện vọng của các bên tham gia họp, nội dung họp là do cụ B chết năm 2004 không để lại di chúc nên gia đình họp và thống nhất phân chia diện tích và quyền sử dụng đất thửa 19, PL1, diện tích 1.090m² và tài sản gắn liền với đất do ông B để lại cho hai người là cụ Lê Thị M và con trai Nguyễn Văn Ng sử dụng. Theo luật Hôn nhân và gia đình thì cụ B, cụ M có chung quyền sử dụng đất 1.090m² nên cụ B và cụ M mỗi người có quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất là $1.090\text{m}^2 : 2 = 545\text{m}^2$. Tại thời điểm cụ M và những người con của các cụ họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do cụ B chết không để lại di chúc nên phần di sản của cụ B được định đoạt theo biên bản họp gia đình để chia phần của cụ B là 545m^2 đất : 2 = $272,5\text{m}^2$ đất cho ông Ng và cụ M. Sau khi chia phần của cụ B theo biên bản họp gia đình thì tài sản của cụ M là $545\text{m}^2 + 272,5\text{m}^2 = 817,5\text{m}^2$; ông Ng được hưởng $272,5\text{m}^2$ từ phần thừa kế của cụ B. Do cụ M chết không để lại di chúc nên phần diện tích $817,5\text{m}^2$ là di sản của cụ M được chia đều cho 6 người con gồm Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Th là hàng thừa kế thứ nhất của cụ M, mỗi người được hưởng là $817,5\text{m}^2 : 06 \text{ người} = 136,25\text{m}^2$ đất.

Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn đề nghị xem xét, thẩm định, định giá tài sản. Ngày 28/3/2025, Hội đồng định giá, giá trị đất ở $1.090\text{m}^2 \times 600.000\text{đồng}/\text{m}^2 = 654.000.000\text{đồng}$; tài sản trên đất gồm nhà mái bằng có giá trị là 114.237.200đồng; nhà lợp mái tôn có giá trị là 22.955.625đồng; nhà vệ sinh có giá trị là 8.713.000đồng; lán tôn có giá trị là 1.129.000đồng; nhà tạm lợp mái pro xi măng có giá trị là 3.005.700đồng; bể nước có giá trị là 4.208.688đồng; tường bao có giá trị là 246.900đồng; giá trị các cây trồng gồm 05 cây bưởi, 44 cây nhãn, 03 cây mít, 02 cây xoài, 01 cây bưởi có giá trị là 127.495.000đồng. Tổng giá trị công trình trên đất và cây cối là 281.991.113đồng. Các đương sự không ai có ý kiến khiếu nại, thắc mắc gì về việc xem xét thẩm định, định giá.

[4]. Như vậy kỹ phần thừa kế của mỗi người được hưởng là: Ông Nguyễn Văn Ng $272,5\text{m}^2$ đất + $136,25\text{m}^2$ đất = $408,75\text{m}^2$ đất. Bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Th mỗi người được hưởng $136,25\text{m}^2$ đất. Bà T, bà L, bà L1, bà Th có yêu cầu chia bằng đất và đề nghị chia chung vào một khối. Đối với kỹ phần thừa kế của bà Ph được hưởng, bà Ph tặng cho ông Ng. Xét ý kiến, nguyện vọng của các đương sự là tự nguyện nên được chấp nhận. Do trên đất tranh chấp chia thừa kế có nhà, công trình do vợ chồng ông Ng tạo dựng, do đó chia phần diện tích đất có nhà trên đất cho ông Nguyễn Văn Ng quản lý sử dụng là 545m^2 cụ thể cạnh phía Bắc giáp đường chính có chiều dài 14,59m, cạnh phía Đông giáp ngõ có chiều dài 13,63m; cạnh phía Tây giáp phần đất được chia chung cho bà T, bà L, bà L, bà Th có các kích thước $19,75\text{m} + 3,21\text{m} + 7,74\text{m}$; cạnh phía Nam giáp phần đất được chia chung cho bà T, bà L, bà L1, bà Th có chiều dài 17,32m trên đất có 12 cây nhãn, 01 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây bưởi. Chia phần diện tích đất không có các công trình mà chỉ có các cây cối cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Th chung một khối là 545m^2 để quản lý sử dụng chung là phù hợp, cụ thể cạnh phía Bắc giáp đường chính có chiều dài 9,65m; cạnh phía Đông giáp phần đất của ông Ng được chia và giáp ngõ có các kích thước $19,75\text{m} + 3,21\text{m} + 7,74\text{m} + 17,32\text{m}$; cạnh phía Tây giáp thửa đất số 15 của ông Gi có các kích thước $21,86\text{m} + 7,99\text{m} + 17,99\text{m}$; cạnh phía Nam giáp phần đất UB có chiều dài 23,24m; trên đất có 29 cây nhãn, 01 cây mít, 01 cây bưởi do ông Ng trồng. Giá trị phần cây cối trên phần đất bà T, bà L, bà L1, bà Th được chia chung một khối là $2.423.000\text{đồng} \times 29 + 2.441.000\text{đồng} + 1.917.000\text{đồng} = 74.625.000\text{đồng}$.

[5]. Về công sức đóng góp, các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ: Các đương sự thống nhất trình bày trước khi chết các cụ không để lại nghĩa vụ gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí ma chay, cải cát cho các cụ, thuế nhà đất: Các đương sự đều có ý kiến không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về diện tích đất nông nghiệp: Các đương sự cùng không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về chi phí tố tụng, án phí:

-Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định, định giá tài sản, bà T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi phí số tiền 6.300.000đồng. Bà T xin chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

-Đối với chi phí giám định chữ ký: Bà Nguyễn Thị T cho rằng chữ ký Nguyễn Thị T trong biên bản họp gia đình ngày 02/10/2010 không phải chữ ký của bà nên bà yêu cầu giám định. Theo kết luận giám định thì yêu cầu này của bà không có căn cứ nên bà T phải chịu 2.880.000đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

-Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Ng, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, bà Đinh Thị Nh là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100: Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Các Điều 609, 611, 612, 613, 614, 618, 623, 649, 650, 651, 660; Điều 688 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về chia di sản thừa kế.

2. Công nhận biên bản họp gia đình về việc phân chia quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lập ngày 02/10/2010 có hiệu lực pháp luật.

3. Xác định cụ Nguyễn Văn B chết ngày 09/9/2005, cụ Lê Thị M chết ngày 11/7/2018. Các cụ không để lại di chúc. Di sản để lại là thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2, diện tích đất 1.090m² đất ONT tại xóm 1, thôn Kh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường T, tỉnh Ninh Bình) đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị M ngày 17/12/2009.

4. Phân chia di sản thừa kế như sau:

Chia quyền sử dụng chung cho bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Th được quyền sử dụng diện tích đất 545m² đất nằm trong diện tích đất 1.090m² thửa số 12, tờ bản đồ PL2, tại xóm 1, thôn Kh, huyện Kim Bảng (nay là thôn Kh phường T, tỉnh Ninh Bình), đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị M ngày 17/12/2009, có các cạnh phía Bắc giáp đường chính dài 9,65m; phía Đông giáp phần đất của ông Ng được chia và giáp ngõ có các đoạn dài 19,75m + 3,21m + 7,74m + 17,32m; phía Tây giáp thửa đất số 15 của ông Giáp có các đoạn dài 21,86m + 7,99m + 17,99m; phía Nam giáp phần đất UB dài 23,24m. Trên đất có 29 cây nhãn = 70.267.000đồng, 01 cây mít = 2.441.000đồng, 01 cây bưởi = 1.917.000 đồng.

Bà T, bà L, bà L1, bà Th phải trả chung cho ông Ng giá trị cây trồng là 74.625.000đồng (mỗi người trả 18.656.000đồng). Ông Ng được nhận số tiền 74.625.000đồng từ bà T, bà L, bà L1, bà Th trả.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph tặng cho ông Nguyễn Văn Ng ký phần thừa kế được hưởng diện tích 136,25m² đất.

Chia cho ông Nguyễn Văn Ng được quyền quản lý sử dụng diện tích 545m² đất trong thửa đất số 12, tờ bản đồ PL2, diện tích đất 1.090m² tại xóm 1, thôn Kh, huyện Kim Bảng (nay là thôn Kh, phường T, tỉnh Ninh Bình) đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Lê Thị M ngày 17/12/2009, có các cạnh: Phía Bắc giáp đường chính dài 14,59m, phía Đông giáp ngõ dài 13,63m; cạnh phía Tây giáp phần đất được chia chung cho bà T, bà L, bà L1, bà Th có các đoạn dài 19,75m + 3.21m + 7,74m; phía Nam giáp phần đất được chia chung cho bà T, bà L, bà L1, bà Th dài 17,32m. Trên đất có nhà mái bằng, nhà lợp mái tôn, nhà vệ sinh, lán tôn, nhà tạm lợp mái Bro xi măng, bể nước, tường bao do vợ chồng ông Ng xây dựng và 12 cây nhãn, 01 cây mít, 01 cây xoài, 05 cây bưởi. (Có sơ đồ kèm theo).

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn Ng, bà Đinh Thị Nh được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 4.087.500đồng án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyệt